TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GD** **TỈNH TN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 24-7-2019
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn và nuôi con "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GD, TỈNH TN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Trương Thị Bình.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Ninh;
2. Ông Trần Văn Rọi

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Lê Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện GD, tỉnh TN.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GD tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Văn Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện GD, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 444/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2019 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn và nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2019/QĐXX-ST, ngày 09 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Thái C, sinh năm: 1988; địa chỉ: Tổ 42, ấp CA, xã CG, huyện GD, tỉnh TN. Tạm trú: Ô 3/53 ấp TL, xã TD, huyện HT, tỉnh TN; có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm: 1984; Địa chỉ: Tổ 42, ấp CA, xã CG, huyện GD, tỉnh TN; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10-6-2019 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn anh Nguyễn Thái C trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Y chung sống với nhau từ năm 2006, có tìm hiểu, hôn nhân tự nguyện, không có tổ chức lễ cưới nhưng có làm lễ phạt và có đăng ký

kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TD, huyện HT. Nữ trang trong ngày lễ phạt gồm 01 sợi dây chuyền. Nữ trang không còn do chị Y đã bán. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại nhà cha mẹ anh tại ấp TL, xã TD, huyện HT, tỉnh TN. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do chị Y tham gia chơi cờ bạc, ghi đề gây nợ nần; chị vay tiền với số tiền lớn nhưng không nói cho anh biết vay tiền để làm gì. Khi chủ nợ đến đòi anh mới biết chị cờ bạc gây nợ, vợ chồng phải dùng tiền dành dụm để trả nợ cho chị. Chị Y đi làm công nhân nhưng không phụ tiền lo cho gia đình, một mình anh phải lo chi phí trong gia đình gia đình, kinh tế khó khăn. Anh phát hiện chị Y vẫn còn cờ bạc, anh khuyên vợ bỏ cờ bạc nhiều lần nhưng chị Y không nghe. Vì vậy, vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên gây gỗ nhau. Anh cũng không còn tình cảm với chị nên yêu cầu ly hôn với chị Y.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thái T, sinh ngày 03-5-2007. Hiện cháu đang sống với chị Y. Anh đồng ý giao con cho chị Y tiếp tục nuôi dưỡng, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu thành niên và có khả năng lao động tự sinh sống được.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, anh không yêu cầu giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 12-6-2019 và biên bản hòa giải các ngày 27-6-2019, ngày 05-7-2019, chị Nguyễn Thị Y trình bày:

Chị thống nhất theo lời trình bày của anh C, chị thừa nhận trước đây có tham gia chơi cờ bạc gây nợ nần, vợ chồng đi làm để dành được bao nhiêu phải trả nợ cho chị. Nhưng sau này chị đã từ bỏ cờ bạc. Chị đi làm nhưng không phụ tiền lo cho gia đình do chị phải trả nợ riêng của chị. Do kinh tế gia đình khó khăn, vợ chồng vẫn còn ở nhà thuê, anh C nghi ngờ chị còn cờ bạc nên đầu tháng 4-2019 thì anh C đuổi chị về nhà cha mẹ ruột sống, vợ chồng ly thân đến nay và không gặp nhau để hàn gắn gia đình do anh C cố tình lẫn tránh chị. Chị còn thương chồng, muốn đoàn tụ vợ chồng nhưng anh C nhất quyết ly hôn nên chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị đồng ý tiếp tục nuôi cháu Y, chị đồng ý việc anh C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GD phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và các Hội thẩm nhân dân tham gia Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh C và chị Y.

Công nhận sự thỏa thuận của anh chị như sau:

Về con chung: Chị Y được tiếp tục nuôi con chung, anh C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu thành niên và có khả năng lao động tự sinh sống được.

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh chị khai không có, không yêu cầu nên không giải quyết.

Anh C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Thái C và chị Nguyễn Thị Y tự nguyện chung sống từ năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TD, huyện HT. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay anh C có yêu cầu ly hôn, Tòa án thụ lý giải quyết theo thủ tục chung.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của anh C thì thấy: Anh C và chị Y bất đồng quan điểm, thường xuyên gây gỗ, không tin tưởng nhau về tiền bạc, anh C không còn tình cảm với chị Y. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án chị Y không đồng ý ly hôn nhưng tại phiên tòa hôm nay chị đồng ý ly hôn với anh C, nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị là phù hợp quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thái Y, sinh ngày 03-5-2007. Hiện cháu đang sống chung với chị Nguyễn Thị Y. Anh chị thống nhất để chị Y tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung, anh C tự nguyện cấp

dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu thành niên và có khả năng lao động tự sinh sống được. Nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của anh chị là phù hợp quy định pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của cháu.

[4] Về tài sản chung: Anh chị không tranh chấp nên không giải quyết.

[5] Về nợ chung: Anh chị không yêu cầu nên không giải quyết.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

[7] Về án phí: Anh C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30-12-2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Thái C và chị Nguyễn Thị Y.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

2.1 Về con chung: Chị Y được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Thái Y, sinh ngày 03-5-2007. Anh C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Y đã thành niên và có khả năng lao động tự sinh sống được. Anh C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ khi chị Y có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng anh C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2.2. Về tài sản chung: Anh chị không tranh chấp nên không giải quyết.

2.3. Về nợ chung: Anh chị không yêu cầu nên không giải quyết.

2.4. Về án phí: Anh C chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009292 ngày 10-6-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện GD, anh C còn phải nộp 300.000 đồng.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh TN.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện GD;
- CC THADS huyện GD;
- UBND xã TD;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Bình